

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 41
8. Phụ lục	42

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 9 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (84-296) 3834060
- Fax : (84-296) 3834054

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty Cổ phần Nam Việt trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Doãn Chí Thiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Dương Minh Phong	Trưởng ban	Ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên	Ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Bảy	Thành viên	Ngày 28 tháng 5 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2008
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Duy Nhứt ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy ủy quyền số 36/GUQ-KTTC ngày 02 tháng 01 năm 2018.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Chủ tịch

Ngày 15 tháng 3 năm 2018





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0392/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Minh Tri - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.317.061.126.495	1.907.896.274.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.901.681.098	21.796.050.462
1. Tiền	111		25.901.681.098	17.026.050.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.770.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	900.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		383.435.171.495	643.133.691.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	430.413.531.906	516.875.410.432
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.472.312.504	76.361.567.909
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	9.336.378.107	22.122.378.107
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	24.380.344.061	133.518.360.562
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(89.167.395.083)	(105.744.025.271)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		873.818.902.160	1.195.089.723.644
1. Hàng tồn kho	141	V.7	887.129.231.895	1.195.358.129.153
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(13.310.329.735)	(268.405.509)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.905.371.742	46.976.808.837
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9.845.717.118	9.954.472.525
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.059.654.624	37.022.336.312
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.385.253.645.302	1.109.929.599.966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		252.862.460.778	263.998.413.348
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	246.750.000.000	246.750.000.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		26.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7.175.460.778	18.337.413.348
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(1.089.000.000)	(1.089.000.000)
II. Tài sản cố định	220		518.591.662.283	489.430.373.886
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	197.284.981.385	161.518.100.654
- Nguyên giá	222		986.815.165.173	857.047.908.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(789.530.183.788)	(695.529.807.611)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	78.041.134.502	116.987.912.113
- Nguyên giá	225		108.366.446.670	174.399.362.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(30.325.312.168)	(57.411.450.795)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	243.265.546.396	210.924.361.119
- Nguyên giá	228		250.503.910.452	215.716.373.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.238.364.056)	(4.792.011.972)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		66.176.144.368	125.878.060.932
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	66.176.144.368	125.878.060.932
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		477.905.690.150	155.190.111.859
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13b	2.041.276.183	6.798.483.688
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13c	166.304.000.000	166.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13c	(18.739.586.033)	(17.912.371.829)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13a	328.300.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		69.717.687.723	75.432.639.941
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	69.182.937.723	75.432.639.941
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	534.750.000	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.702.314.771.797	3.017.825.874.648

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.308.352.616.500	1.708.818.166.318
I. Nợ ngắn hạn	310		1.232.274.555.975	1.486.752.388.722
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	99.773.110.619	221.494.985.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	16.163.545.710	10.741.229.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	24.178.765.781	16.305.407.688
4. Phải trả người lao động	314	V.18	49.981.226.561	32.555.101.320
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	7.375.465.170	10.323.747.285
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	8.979.495.672	32.741.059.513
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.025.231.967.157	1.161.786.878.090
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	590.979.305	803.979.305
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		76.078.060.525	222.065.777.596
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	76.078.060.525	222.065.777.596
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

115-C
 TY
 HỮU HẠ
 TỰ V
 C
 IỐCH

08736
 TY
 VIỆT
 T. ANGI

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

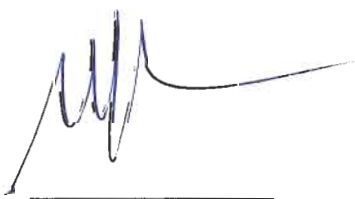
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.393.962.155.297	1.309.007.708.330
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.393.962.155.297	1.309.007.708.330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1.250.446.250.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.446.250.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	21.519.209.100	611.965.459.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	153.314.011.705	69.992.175.173
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.947.450.173	69.992.175.173
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		142.366.561.532	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	(3.899.685.660)	(5.532.296.095)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.702.314.771.797	3.017.825.874.648

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2018


 Trần Thị Quý
 Người lập biểu


 Lê Tiến Dũng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Duy Nhứt
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.962.439.024.515	2.847.113.325.051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13.298.465.255	22.587.958.113
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.949.140.559.260	2.824.525.366.938
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.516.690.402.944	2.463.126.958.386
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		432.450.156.316	361.398.408.552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	19.624.551.613	154.496.068.178
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	63.841.930.045	89.338.096.955
Trong đó: chi phí lãi vay	23		56.834.291.215	76.318.357.966
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.13a	(4.757.207.505)	(117.272.700.123)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	145.839.451.266	135.790.798.077
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	39.379.588.561	134.238.562.073
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		198.256.530.552	39.254.319.502
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.694.196.930	4.101.208.373
13. Chi phí khác	32	VI.9	34.344.473.534	14.516.961.415
14. Lợi nhuận khác	40		(31.650.276.604)	(10.415.753.042)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.606.253.948	28.838.566.460
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	23.141.831.981	14.776.154.904
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	(534.750.000)	630.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		143.999.171.967	13.432.411.556
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		142.366.561.532	19.442.612.617
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.632.610.435	(6.010.201.061)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.142	144
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.142	144

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166.606.253.948	28.838.566.460
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	80.285.483.388	77.338.281.979
- Các khoản dự phòng	03	V6, V.7, V.13	(784.281.758)	74.862.791.760
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(229.013.154)	3.736.447.667
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8, V.13	(5.283.675.555)	(21.636.553.340)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	56.834.291.215	76.318.357.966
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		297.429.058.084	239.457.892.492
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		342.128.002.043	(108.515.898.633)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		308.228.897.258	123.648.344.387
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(137.516.300.675)	83.523.177.584
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.777.955.089	7.058.340.711
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5, V.19	(57.321.774.657)	(76.396.631.748)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(14.778.030.812)	(3.997.464.816)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(213.000.000)	(609.272.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		745.734.806.330	264.168.487.585
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11, V.12; VII	(55.854.873.338)	(58.122.159.290)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, V.11; VI.8	2.949.178.452	819.845.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(352.790.000.000)	(26.384.276.760)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.630.000.000	4.846.898.653
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	166.561.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4, V.5	5.601.305.381	13.648.733.684
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(375.464.389.505)	101.370.041.742

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	3.387.762.606.581	4.703.475.025.011
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(3.636.945.273.110)	(4.979.319.844.715)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(33.206.612.575)	(49.465.263.494)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.23	(83.763.543.191)	(31.605.118.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(366.152.822.295)	(356.915.201.257)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.117.594.530	8.623.328.070
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.796.050.462	12.707.313.325
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.963.894)	465.409.067
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25.901.681.098	21.796.050.462

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2018

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay tăng đột biến so với năm trước chủ yếu là do giá tiêu thụ tăng, do sự biến động giảm lỗ trong công ty liên doanh, liên kết - Công ty Cổ phần DAP số 2 – VinaChem (năm nay không phát sinh khoản lỗ này vì khoản đầu tư này đã được chuyển nhượng trong năm trước) và do giảm chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Kinh doanh thủy sản xuất khẩu	90,91%	90,91%	90,91%	90,91%

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Chế biến và bảo quản rau quả. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 44,4% (số đầu năm là 44,4%).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 18

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.624.030.200	671.137.520
Tiền gửi ngân hàng	19.277.650.898	16.354.912.942
Các khoản tương đương tiền (*)	-	4.770.000.000
Cộng	25.901.681.098	21.796.050.462

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	88.158.582.608	267.019.123.969
Triple T Corporation (USA)	47.174.431.572	67.639.033.478
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	40.984.151.036	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	199.300.136.840
Ông Doãn Quốc Hội	-	79.953.651
Phải thu các khách hàng khác	342.254.949.298	249.856.286.463
Các khách hàng nước ngoài	303.988.452.959	207.894.094.992
Các khách hàng trong nước	38.266.496.339	41.962.191.471
Cộng	430.413.531.906	516.875.410.432

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu dài hạn Công ty TNHH Đại Tây Dương (bên liên quan).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh	600.000.000	-
Trả trước cho các người bán khác	7.872.312.504	76.361.567.909
Các nhà cung cấp nước ngoài	28.734.475	13.680.000
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	1.762.958.333	67.381.360.000
Các nhà cung cấp trong nước khác	6.080.619.696	8.966.527.909
Cộng	8.472.312.504	76.361.567.909

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	7.940.378.107	20.690.378.107
Cho Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh vay	7.940.378.107	7.840.378.107
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	-	12.850.000.000
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	1.396.000.000	1.432.000.000
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh mượn (*)	896.000.000	932.000.000
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang mượn (*)	500.000.000	500.000.000
Cộng	9.336.378.107	22.122.378.107

(*) Số dư nợ phải thu này đã quá hạn và Tập đoàn đang trích lập dự phòng.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	543.977.889	(132.871.914)	290.012.402	-
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh - Phải thu tiền lãi	442.906.379	(132.871.914)	218.516.920	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải thu tiền lãi	79.071.510	-	45.509.722	-
Ông Doãn Chí Thiên - Tạm ứng	-	-	25.985.760	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Tạm ứng	22.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	23.836.366.172	(815.052.141)	133.228.348.160	(635.046.029)
Tạm ứng	10.069.452.926	-	4.383.811.671	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.593.320.833	-	561.813.418	-
Tiền lãi cho vay	476.479.546	(459.284.546)	476.479.546	(386.008.712)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	4.475.690.643	-	121.729.224.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.221.422.224	(355.767.595)	6.077.019.525	(249.037.317)
Cộng	24.380.344.061	(947.924.055)	133.518.360.562	(635.046.029)

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn. Trong đó số đã quá hạn và đã được trích lập dự phòng với tổng số tiền trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.089.000.000 VND.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>				
		87.579.347.856		108.951.082.702
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		33.850.000	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	752.895.000
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>		3.302.642.124	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.703.823.964
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>		136.303.900	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	67.745.878.478
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>		84.106.551.832	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	38.748.485.260

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu cho vay		5.492.101.347	3.136.070.943		500.000.000	-
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm		4.096.101.347	2.867.270.943	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm		896.000.000	268.800.000	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
Quá hạn trên 03 năm		500.000.000	-	Quá hạn trên 03 năm	500.000.000	-
Phải thu khác		2.364.153.520	327.229.465		1.921.247.141	197.201.112
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm		442.906.379	310.034.465	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm		-	-	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	57.316.667	28.658.333
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm		57.316.667	17.195.000	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	561.809.262	168.542.779
Quá hạn trên 03 năm		1.863.930.474	-	Quá hạn trên 03 năm	1.302.121.212	-
Cộng		95.435.602.723	5.179.207.640		111.372.329.843	4.539.304.572

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu và cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	105.744.025.271	1.089.000.000	106.833.025.271
Hoàn nhập dự phòng	(14.653.420.188)	-	(14.653.420.188)
Xóa nợ	(1.923.210.000)	-	(1.923.210.000)
Số cuối năm	89.167.395.083	1.089.000.000	90.256.395.083

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	638.847.142	-	85.426.211.696	-
Nguyên liệu, vật liệu	104.809.626.291	-	107.078.052.436	-
Công cụ, dụng cụ	8.195.859.517	-	8.962.734.636	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	448.918.854.648	-	333.825.709.763	-
Thành phẩm	287.763.413.487	(13.310.329.735)	621.068.098.648	(268.405.509)
Hàng gửi đi bán	36.802.630.810	-	38.997.321.974	-
Cộng	887.129.231.895	(13.310.329.735)	1.195.358.129.153	(268.405.509)

Hàng tồn kho có trị giá 110.526.335.129 VND (số đầu năm là 315.230.545.435 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	268.405.509	1.660.540.609
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	13.041.924.226	(1.392.135.100)
Số cuối năm	13.310.329.735	268.405.509

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3.398.440.081	2.865.106.749
Công cụ dụng cụ	1.228.252.862	2.298.317.318
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.219.024.175	4.791.048.458
Cộng	9.845.717.118	9.954.472.525

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	62.898.275.619	64.698.142.735
Công cụ dụng cụ	1.762.703.245	2.685.021.944
Chi phí sửa chữa	3.647.602.710	4.238.776.794
Các chi phí trả trước dài hạn khác	874.356.149	3.810.698.468
Cộng	69.182.937.723	75.432.639.941

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	306.345.223.623	485.289.257.255	55.411.282.485	10.002.144.902	-	857.047.908.265
Mua trong năm	150.000.000	7.167.451.854	824.641.000	90.712.728	-	8.232.805.582
Đầu tư XD CB hoàn thành	19.982.881.609	15.763.206.003	3.944.071.231	1.085.177.331	17.590.305.424	58.365.641.598
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	70.727.216.268	3.832.952.000	-	-	74.560.168.268
Phân loại lại	(19.349.305.657)	-	-	-	19.349.305.657	-
Thanh lý, nhượng bán	(264.725.534)	(9.578.166.677)	(1.185.086.329)	(48.160.000)	-	(11.076.138.540)
Giảm khác	-	(315.220.000)	-	-	-	(315.220.000)
Số cuối năm	306.864.074.041	569.053.744.703	62.827.860.387	11.129.874.961	36.939.611.081	986.815.165.173
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	221.507.615.938	288.951.483.811	40.886.663.947	8.529.955.887	-	559.875.719.583
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	247.754.495.762	392.906.974.917	45.984.190.530	8.884.146.402	-	695.529.807.611
Khấu hao trong năm	8.560.005.167	41.321.513.395	3.030.716.822	295.914.270	2.578.132.937	55.786.282.591
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	47.128.011.352	2.010.975.988	-	-	49.138.987.340
Thanh lý, nhượng bán	(129.421.380)	(9.562.226.045)	(1.185.086.329)	(48.160.000)	-	(10.924.893.754)
Phân loại lại	(4.342.829.035)	-	-	-	4.342.829.035	-
Số cuối năm	251.842.250.514	471.794.273.619	49.840.797.011	9.131.900.672	6.920.961.972	789.530.183.788
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	58.590.727.861	92.382.282.338	9.427.091.955	1.117.998.500	-	161.518.100.654
Số cuối năm	55.021.823.527	97.259.471.084	12.987.063.376	1.997.974.289	30.018.649.109	197.284.981.385
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	164.921.676.362	9.477.686.546	174.399.362.908
Thuê tài chính trong năm	31.849.280	-	31.849.280
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	8.495.402.750	-	8.495.402.750
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(70.727.216.268)	(3.832.952.000)	(74.560.168.268)
Số cuối năm	102.721.712.124	5.644.734.546	108.366.446.670
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	54.238.167.810	3.173.282.985	57.411.450.795
Khấu hao trong năm	20.877.688.326	1.175.160.387	22.052.848.713
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(47.128.011.352)	(2.010.975.988)	(49.138.987.340)
Số cuối năm	27.987.844.784	2.337.467.384	30.325.312.168
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	110.683.508.552	6.304.403.561	116.987.912.113
Số cuối năm	74.733.867.340	3.307.267.162	78.041.134.502

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	215.354.374.991	361.998.100	215.716.373.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	37.435.352.010	-	37.435.352.010
Thanh lý, nhượng bán	(2.647.814.649)	-	(2.647.814.649)
Số cuối năm	250.141.912.352	361.998.100	250.503.910.452
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	361.998.100	361.998.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.430.013.872	361.998.100	4.792.011.972
Khấu hao trong năm	2.446.352.084	-	2.446.352.084
Số cuối năm	6.876.365.956	361.998.100	7.238.364.056
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	210.924.361.119	-	210.924.361.119
Số cuối năm	243.265.546.396	-	243.265.546.396
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 189.150.016.921 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	440.500.000	(440.500.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	124.468.059.825	49.285.212.146	(104.296.396.358)	(3.280.731.245)	66.176.144.368
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	93.819.435.032	1.082.956.600	(37.435.352.010)	(800.000.000)	56.667.039.622
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	13.316.730.532	19.642.460.807	(27.661.526.164)	(2.359.746.023)	2.937.919.152
Nhà máy chế biến thức ăn	16.119.816.453	17.689.289.636	(33.443.175.859)	(97.830.731)	268.099.499
Các hạng mục khác	1.212.077.808	10.870.505.103	(5.756.342.325)	(23.154.491)	6.303.086.095
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.410.001.107	609.838.178	-	(2.019.839.285)	-
Cộng	125.878.060.932	50.335.550.324	(104.736.896.358)	(5.300.570.530)	66.176.144.368

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

13a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã thế chấp bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

13b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	12.000.000.000	12.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(9.958.723.817)	(5.201.516.312)
Cộng	2.041.276.183	6.798.483.688

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh 12.000.0000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.000.0000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.798.483.688	557.023.581.882
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	(4.757.207.505)	(117.272.700.123)
Giá trị phần chuyển nhượng	-	(432.952.398.071)
Số cuối năm	2.041.276.183	6.798.483.688

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh đang tạm ngưng hoạt động kinh doanh.

Giao dịch với các công ty liên kết

Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty Rau quả Nông trại Xanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán nguyên liệu, vật tư	266.699	96.725.081
Bán thành phẩm, bao bì	16.075.200	1.848.585.591
Cho vay	100.000.000	11.594.276.760
Lãi vay phải thu	275.937.752	391.553.031
Mua vật tư, công cụ dụng cụ	158.471.606	349.371.779

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(7.739.586.033)	20.304.000.000	(6.912.371.829)
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
Cộng	166.304.000.000	(18.739.586.033)	166.304.000.000	(17.912.371.829)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.912.371.829	17.468.819.930
Trích lập dự phòng bổ sung	827.214.204	443.551.899
Số cuối năm	18.739.586.033	17.912.371.829

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	630.000.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	534.750.000	(630.000.000)
Số cuối năm	534.750.000	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	9.728.665.078	10.746.690.108
Công ty TNHH Đại Tây Dương	9.728.665.078	10.746.690.108
Phải trả các nhà cung cấp khác	90.044.445.541	210.748.295.489
Các nhà cung cấp nước ngoài	16.888.300.340	86.732.205.246
Các nhà cung cấp trong nước	73.156.145.201	124.016.090.243
Cộng	99.773.110.619	221.494.985.597

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng nước ngoài	11.403.812.097	7.510.760.446
Các khách hàng trong nước	4.759.733.613	3.230.469.478
Cộng	16.163.545.710	10.741.229.924

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	694.222.893	8.206.717.108	(8.005.314.318)	895.625.683
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.088.249.516	(1.088.249.516)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.684.750.635	(1.684.750.635)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.745.946.687	23.141.831.981	(14.778.030.812)	23.109.747.856
Thuế thu nhập cá nhân	849.055.308	4.751.491.091	(5.428.154.957)	172.391.442
Thuế tài nguyên	16.182.800	119.520.720	(134.702.720)	1.000.800
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Cộng	16.305.407.688	39.001.561.051	(31.128.202.958)	24.178.765.781

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.129.234.587	14.745.946.687
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	12.597.394	30.208.217
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.141.831.981	14.776.154.904

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³ x 8%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	810.401.959	1.297.885.401
Chi phí cước tàu	4.026.122.100	3.640.296.150
Chi phí hoa hồng môi giới	2.047.518.157	3.014.182.987
Tiền cơm	-	993.136.099
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	491.422.954	1.378.246.648
Cộng	7.375.465.170	10.323.747.285

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	24.771.933.491
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	-	9.547.556.891
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	-	15.224.376.600
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	8.979.495.672	7.969.126.022
Tài sản thừa chờ giải quyết	21.139.970	772.466.040
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	324.611.500	2.642.279.155
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.662.876.087	1.527.905.480
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.507.016.700	1.453.901.400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.463.851.415	1.572.573.947
Cộng	8.979.495.672	32.741.059.513

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	103.102.500.000
Vay Ông Doãn Tới	-	3.102.500.000
Vay Bà Dương Thị Kim Hương	-	100.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.025.231.967.157	1.058.684.378.090
Vay ngắn hạn ngân hàng	993.333.002.235	978.301.253.265
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	370.614.618.764	313.646.004.657
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	91.068.840.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	73.609.680.410

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)</i>	149.853.202.599	299.817.788.647
<i>Vay Ngân hàng United Overseas Bank ^(c)</i>	39.645.830.300	42.980.833.741
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam ^(d)</i>	433.219.350.572	154.532.145.810
<i>Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</i>	-	2.645.960.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	14.625.000.000	48.725.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	17.273.964.922	31.658.124.825
Cộng	1.025.231.967.157	1.161.786.878.090

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11).
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11).
- (c) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.13) thuộc sở hữu của Tập đoàn và được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	978.301.253.265	3.387.762.606.581	-	(118.084.501)	(3.372.612.773.110)	993.333.002.235
Vay ngắn hạn các cá nhân	103.102.500.000	-	-	-	(103.102.500.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	48.725.000.000	-	27.750.000.000	-	(61.850.000.000)	14.625.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	31.658.124.825	-	18.047.077.001	(6.764.959)	(32.424.471.945)	17.273.964.922
Cộng	1.161.786.878.090	3.387.762.606.581	45.797.077.001	(124.849.460)	(3.569.989.745.055)	1.025.231.967.157

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả bên liên quan	37.248.000.000	76.628.000.000
Vay Ông Doãn Tới	-	20.000.000.000
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương ^(a)	37.248.000.000	56.628.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	38.830.060.525	145.437.777.596
Vay dài hạn ngân hàng	14.625.000.000	102.375.000.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong</i>	-	78.000.000.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)</i>	14.625.000.000	24.375.000.000
Nợ thuê tài chính	24.205.060.525	43.062.777.596
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài</i>	<i>6.121.608.330</i>	<i>11.136.881.912</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị</i>		
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính</i>		
<i>Chailease để mua máy móc thiết bị</i>	-	881.174.727
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính</i>		
<i>Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	18.083.452.195	31.044.720.957
Cộng	76.078.060.525	222.065.777.596

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Công ty TNHH Đại Tây Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 36 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	29.250.000.000	14.625.000.000	14.625.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	37.248.000.000	-	37.248.000.000	-
Nợ thuê tài chính	41.479.025.447	17.273.964.922	24.205.060.525	-
Cộng	107.977.025.447	31.898.964.922	76.078.060.525	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	151.100.000.000	48.725.000.000	102.375.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	56.628.000.000	-	56.628.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính	74.720.902.421	31.658.124.825	43.062.777.596	-
Cộng	302.448.902.421	80.383.124.825	222.065.777.596	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	102.375.000.000	-	(60.000.000.000)	(27.750.000.000)	14.625.000.000
Vay dài hạn tổ chức khác	56.628.000.000	-	(19.380.000.000)	-	37.248.000.000
Vay dài hạn cá nhân	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	-	-
Nợ thuê tài chính	43.062.777.596	(28.499.440)	(782.140.630)	(18.047.077.001)	24.205.060.525
Cộng	222.065.777.596	(28.499.440)	(100.162.140.630)	(45.797.077.001)	76.078.060.525

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	118.631.160	-	118.631.160
Quỹ phúc lợi	685.348.145	(213.000.000)	472.348.145
Cộng	803.979.305	(213.000.000)	590.979.305

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	569.050.000.000	299.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.000.000.000	90.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	170.999.990.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	335.448.760.000	176.552.500.000
Cộng	1.246.498.750.000	656.052.500.000

Trong năm Công ty Cổ phần Nam Việt đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:9 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 9 cổ phiếu thưởng), từ thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 23/NQ.ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2017. Trên cơ sở đó, Tập đoàn đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và ghi giảm thặng dư vốn cổ phần 590.446.250.000 VND. Ngày 14 tháng 9 năm 2017 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 1.250.446.250.000 VND.

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.044.625	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.044.625	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	125.044.625	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.649.875	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	124.649.875	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 23/NQ.ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2017, Công ty Cổ phần Nam Việt đã chia cổ tức cho cổ đông số tiền là 59.044.725.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

24a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	220.726,88	244.039,22
Euro (EUR)	2.342,23	3.895,14

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	8.514.932,03	162.835.282.607	8.424.932,03	160.912.072.607
Khách hàng trong nước	-	19.369.736.628	-	19.369.736.628
Cộng		182.205.019.235		180.281.809.235

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.174.864.597	40.493.130
Doanh thu bán thành phẩm	2.953.779.545.328	2.827.715.724.299
Doanh thu bán nguyên liệu	1.465.032.146	2.660.958.017
Doanh thu khác	6.019.582.444	16.696.149.605
Cộng	2.962.439.024.515	2.847.113.325.051

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Quốc Hội	-	393.985.233
Công ty TNHH Đại Tây Dương	88.930.806	165.774.854
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	63.600.128.818	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	344.065.000	432.865.000
Hàng bán bị trả lại	7.333.236.200	16.252.481.246
Giảm giá hàng bán	5.621.164.055	5.902.611.867
Cộng	13.298.465.255	22.587.958.113

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.193.048.800	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.488.334.628.819	2.446.419.575.106
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	1.465.828.000	2.666.312.577
Giá vốn khác	12.654.973.099	15.433.205.803
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	13.041.924.226	(1.392.135.100)
Cộng	2.516.690.402.944	2.463.126.958.386

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	8.865.657.778	5.407.929.735
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.158.373	102.011.181
Lãi tiền cho vay	1.025.106.265	648.316.175
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.437.147.313
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.421.133.145	12.724.544.945
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	254.496.052	98.086.044
Lãi bán hàng trả chậm	-	440.430.856
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	130.637.601.929
Cộng	19.624.551.613	154.496.068.178

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	56.834.291.215	76.318.357.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.154.941.728	8.741.653.379
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25.482.898	3.834.533.711
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	827.214.204	443.551.899
Cộng	63.841.930.045	89.338.096.955

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.651.582.579	8.402.407.290
Chi phí vật liệu, bao bì	39.082.164	61.548.027
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	56.997.534	275.719.851
Chi phí khấu hao	75.937.440	125.035.686
Chi phí hoa hồng	40.659.375.676	23.259.873.673
Chi phí vận chuyển	70.665.276.569	70.440.335.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.921.315.624	27.986.729.295
Các chi phí khác	5.769.883.680	5.239.148.764
Cộng	145.839.451.266	135.790.798.077

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	35.905.500.077	35.074.749.653
Chi phí vật liệu quản lý	1.174.265.944	1.359.880.988
Chi phí đồ dùng văn phòng	448.693.239	419.967.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.328.178.459	1.213.299.220
Thuế, phí và lệ phí	5.224.108.317	6.761.423.397
Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	(14.653.420.188)	75.811.374.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.337.102.902	3.164.345.368
Các chi phí khác	7.615.159.811	10.433.520.569
Cộng	39.379.588.561	134.238.562.073

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	150.119.017	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	229.567.838	555.453.000
Xử lý công nợ tồn lâu	11.854.578	969.744.754
Thu nhập khác	2.302.655.497	2.576.010.619
Cộng	2.694.196.930	4.101.208.373

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.221.741.689
Thuế bị phạt, truy thu	1.195.566.362	9.359.137.932
Phạt do vi phạm hợp đồng	32.790.469.710	-
Tiền nộp phạt vi phạm hành chính	228.900.000	-
Chi phí khác	129.537.462	2.936.081.794
Cộng	34.344.473.534	14.516.961.415

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	142.366.561.532	19.442.612.617
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.500.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	142.366.561.532	17.942.612.617
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	124.649.875	124.649.875
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.142	144

10b. Thông tin khác

Trong năm Công ty Cổ phần Nam Việt đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 273 VND xuống còn 144 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.635.723.914.394	1.663.142.927.780
Chi phí nhân công	351.418.903.195	414.096.651.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.285.483.388	77.338.281.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.728.351.065	218.822.719.345
Chi phí khác	85.189.830.266	128.071.115.084
Cộng	2.474.346.482.308	2.501.471.695.690

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền và bằng tiền liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	58.020.842.761
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	5.189.507.715
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	4.420.538.728	1.274.908.621
Ứng trước mua tài sản	4.721.871.325	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Doãn Tới		
Tập đoàn đi vay	-	6.495.000.000
Tập đoàn chia cổ tức	26.955.000.000	-
Ông Doãn Chí Thanh		
Tạm ứng	226.413.930	156.562.410
Tập đoàn chia cổ tức	8.100.000.000	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp		
Tạm ứng	50.000.000	-
Ông Doãn Chí Thiên		
Tạm ứng	-	90.000.000
Tập đoàn chia cổ tức	8.100.000.000	-
Mua tài sản	-	1.600.000.000
Các thành viên Ban điều hành		
Bà Dương Thị Kim Hương		
Tập đoàn đi vay	-	55.000.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

Ông Doãn Chí Thiên dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.5, V.20 và V.21.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.278.032.863 VND (năm trước là 1.335.542.566 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.13 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH Đại Tây Dương như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua sản phẩm, vật tư	160.483.557	181.805.217
Tiền điện, dịch vụ khác	-	11.448.848.609
Đi vay	-	13.683.750.000
Cho vay	6.850.000.000	13.850.000.000
Lãi cho vay	413.837.955	45.509.722
Thu hộ	-	5.893.346
Chuyển nhượng công ty liên kết	-	546.750.000.000
Mua tài sản	2.660.940.000	-
Thuê kho	50.361.679.716	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.15 và V.21.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	2.106.799.230.327	1.997.846.623.180
Trong nước	842.341.328.933	826.678.743.758
Cộng	2.949.140.559.260	2.824.525.366.938

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

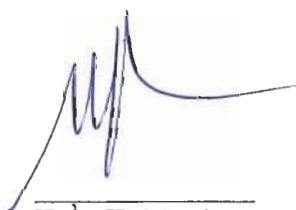
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thông tin khác

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông (công ty con) lãi 17.784.427.401 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 47.735.137.915 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản 42.477.871.168 VND. Do không có thỏa thuận khác, nên trên Báo cáo tài chính hợp nhất số lỗ vượt vốn góp của các bên mà các cổ đông không kiểm soát phải chịu tương ứng với tỷ lệ lợi ích (9,19%) là 3.899.685.660 VND, phần còn lại Tập đoàn phải chịu tương ứng với tỷ lệ lợi ích (90,91%) là 38.578.185.508 VND.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Thị Quý
Người lập biểu



Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	29.000.000.000	(27.417.629.848)	21.749.562.556	477.904.966	1.295.775.296.774
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	19.442.612.617	(6.010.201.061)	13.432.411.556
Điều chuyển vốn về lợi nhuận	-	-	(29.000.000.000)	-	29.000.000.000	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	-	(27.417.629.848)	69.992.175.173	(5.532.296.095)	1.309.007.708.330
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	-	(27.417.629.848)	69.992.175.173	(5.532.296.095)	1.309.007.708.330
Tăng vốn từ thặng dư	590.446.250.000	(590.446.250.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	142.366.561.532	1.632.610.435	143.999.171.967
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(59.044.725.000)	-	(59.044.725.000)
Số dư cuối năm nay	1.250.446.250.000	21.519.209.100	-	(27.417.629.848)	153.314.011.705	(3.899.685.660)	1.393.962.155.297

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Duy Nhật
Phó Tổng Giám đốc